

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12-2025

V/v: “Ly hôn giữa anh Thuỷ và chị Hiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tống Văn T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Phố B, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

CCCD số: 037092008456; cấp ngày 10-8-2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1.

2. Bị đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Ninh Bình.

Giấy chứng minh nhân dân số 163181219, cấp ngày 20-4-2009.

Số định danh cá nhân: 036193022534 (Theo xác nhận thông tin về cư trú số: 2818/XN ngày 09-9-2025 của Công an xã Y – Ninh Bình).

(Tại phiên toà anh T và chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh Tống Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 6 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y (nay là xã Y), tỉnh Ninh Bình. Sau kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Y, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống hôn nhân hoà thuận đến cuối năm 2018 thì chị H đưa một con về nhà mẹ đẻ tại thôn Đ, xã V sinh sống và không quay về chung sống với anh nữa. Anh đã nhiều lần đề nghị chị H về Y sinh sống, đi làm gần nhà và có điều kiện chăm sóc bố mẹ, nhưng chị H không đồng ý. Từ năm 2024, hai người ly thân, kinh tế độc lập, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Tống Minh H1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013 và Tống Thanh T1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015. Anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 còn chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh T yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con H1 và chị H trực tiếp nuôi dưỡng con T1. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai, bị đơn chị Mai Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như anh T đã trình bày. Chị cho biết do công việc, chị phải chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã V để thuận tiện đi làm. Sau khi về nhà mẹ đẻ, chị và anh T vẫn qua lại, chị vẫn về nhà chồng khi có công việc lớn trong gia đình. Tuy nhiên, cuối năm 2024, anh T không còn liên hệ, thăm nom mẹ con chị. Từ đó, hai người sống ly thân, kinh tế riêng. Nay anh T làm đơn xin ly hôn với chị thì chị không đồng ý ly hôn, vì chị theo đạo Thiên chúa giáo, nếu chị đồng ý ly hôn với anh T là chị có tội với C, có lỗi với các con của chị. Nếu anh T vẫn cố tình và kiên quyết xin ly hôn thì đây là việc của anh T, anh T tự giải quyết với Toà án.

- Về con chung: Chị thống nhất có hai con chung như anh T trình bày; hiện anh T nuôi cháu H1 còn chị nuôi cháu T1. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tổng Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Tổng Văn T và chị Mai Thị H.

Về nuôi con: Giao con Tổng Minh H1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con Tổng Thanh T1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Tổng Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bị đơn chị Mai Thị H có đăng ký tạm trú tại thôn Đ, xã V, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

[1.2] Tại phiên tòa, anh T và chị H vắng mặt nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tổng Văn T và chị Mai Thị H kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 6 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh T và chị H không hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2024. Trong thời gian ly thân, các bên không còn quan hệ tình cảm, không có sự chăm sóc, chia sẻ, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng theo quy

định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H không đồng ý ly hôn với lý do theo đạo Thiên chúa giáo. Tuy nhiên, việc theo tôn giáo không phải căn cứ pháp luật để bác yêu cầu ly hôn của anh T và cũng không làm thay đổi bản chất tình trạng hôn nhân của anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

[3]. Về nuôi con: Giữa anh T và chị H có 02 con chung chưa thành niên là cháu Tổng Minh H1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013 và cháu Tổng Thanh T1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015. Hiện tại, hai cháu đã sống và học tập ổn định mỗi cháu một nơi trong thời gian dài. Vì vậy cần giao cháu H1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và lợi ích của các cháu, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đều không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Anh T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hôn nhân: Xử cho anh Tổng Văn T ly hôn chị Mai Thị H.

2. Con chung: Giao con Tổng Minh H1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013 cho anh Tổng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con Tổng Thanh T1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015 cho chị Mai Thị H trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Tống Văn T và chị Mai Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tống Văn T phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0001733 ngày 15 tháng 10 năm 2025. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh Tống Văn T và chị Mai Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM TRƯỜNG NAM